TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2026/DS-ST
Ngày: 14-5-2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An
Hội thẩm nhân dân:
Ông Trịnh Hoàng Giang
Bà Nguyễn Kim Thoại

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang: Không tham gia phiên tòa

Ngày 14 tháng 05 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 312/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2026. Giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Địa chỉ: Tầng A và tầng B, Tòa nhà S P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:* Ông Hàn Ngọc V - chức vụ: Tổng giám đốc.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thu H - chức vụ: Giám đốc Trung tâm X - Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

- *Người được ủy quyền lại*: Ông Nguyễn Hoàng T - sinh ngày: 01/02/1979. Có mặt.

Địa chỉ: A N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

-*Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1992. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Q - ông Nguyễn Hoàng T trình bày:

Ngày 07/8/2019, Ngân hàng thương mại cổ phần Q và ông Nguyễn Văn T1 có thỏa thuận ký Hợp đồng tín dụng số 1324635.19 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ nội dung Ngân hàng thỏa thuận cho ông T1 cho vay số tiền gốc là

120.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 07/8/2019 đến ngày 07/8/2024, lãi suất cố định giải ngân là 19,5%/01năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, mỗi tháng ông T1 phải thanh toán vào ngày 15 hàng tháng phải trả gốc lãi là 3.145.973 đồng, trả 60 kỳ, ngày trả nợ đầu tiên là ngày 15/9/2019. Hình thức vay tín chấp, không tài sản đảm bảo.

Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 07/8/2019 đến ngày 15/10/2020 ông T1 đã thanh toán được 15 kỳ, tổng số tiền gốc là 19.380.810 đồng, tiền lãi 27.699.618 đồng. Sau đó ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, Ngân hàng có trực tiếp trao đổi với ông T1 nhưng ông T1 vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Từ ngày 15/11/2020 ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Phần nợ đã chuyển quá hạn từ ngày 11/9/2021, lãi suất 29,25%.

Ngày 23/7/2019, Ngân hàng và ông Nguyễn Văn T1 tiếp tục ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản, số tiền nợ gốc là 38.000.000 đồng, lãi suất vay theo mức lãi suất của V1 niêm yết từng thời kỳ, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay là 03 năm. Ông T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 30/8/2019.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần Q yêu cầu ông T1 trả số tiền vay còn thiếu tạm tính đến ngày xét xử là ngày 14/5/2026 cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 1324635.19 nợ gốc là 100.619.190 đồng, nợ lãi trong hạn từ ngày 15/11/2020 đến ngày 15/10/2021 là 17.954.323 đồng, lãi quá hạn 134.818.688 đồng. Tổng cộng là 253.392.201 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng sau ngày 14/5/2026 cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

Khoản vay nợ thẻ tín dụng: Nợ gốc là 36.454.900 đồng, lãi trong hạn là 15.660.022 đồng, phí thẻ phát sinh (Bao gồm phí vượt han mức, phí chậm thanh toán và phí rút tiền mặt) là 43.231.924 đồng, tổng cộng là 95.346.846 đồng.

Bị đơn - ông Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án cấp tống đạt hợp lệ nhưng không trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần Q khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 trả nợ gốc, nợ lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết, mục đích cho vay là tiêu dùng, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã H, tỉnh An Giang nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T1 đã được Tòa án cấp tống đạt và triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng nhưng ông T1 không đến Tòa án tham gia tố tụng không rõ lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của ông T1 không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định ngày 07/8/2019, Ngân hàng thương mại cổ phần Q và ông Nguyễn Văn T1 có ký kết Hợp đồng tín dụng số 1324635.19 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ nội dung Ngân hàng thỏa thuận cho ông T1 cho vay số tiền gốc là 120.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 07/8/2019 đến ngày 07/8/2024, lãi suất cố định giải ngân là 19,5%/01năm, mỗi tháng ông T1 phải thanh toán vào ngày 15 hàng tháng phải trả gốc và lãi là 3.145.973 đồng, trả 60 kỳ, ngày trả nợ đầu tiên là ngày 15/9/2019. Hình thức vay tín chấp, không tài sản đảm bảo.

Ngày 23/7/2019, Ngân hàng và ông Nguyễn Văn T1 tiếp tục ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản, số tiền nợ gốc là 36.454.900 đồng, lãi suất vay theo mức lãi suất của V1 niêm yết từng thời kỳ, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay thời hạn vay 03 năm. Ông T1 vi phạm nghĩa vụ từ ngày 30/8/2019. Hình thức vay tín chấp, không tài sản đảm bảo.

Các Hợp đồng tín dụng trên được hai bên tự nguyện giao kết, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản, bảo đảm về mặt nội dung và hình thức nên căn cứ Điều 117, Điều 119 và Điều 385 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hợp đồng là sự thật và công nhận giá trị pháp lý của hợp đồng, hợp đồng đã phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Theo hợp đồng tín dụng số 1324635.19 ngày 07/8/2019 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ hai bên đã giao kết thể hiện ông Nguyễn Văn T1 có nhận số tiền vay gốc là 120.000.000 đồng, phương thức giải ngân vào tài khoản của bên được cấp tín dụng mở tại VIB số tài khoản 629704060065676. Ông T1 đã thanh toán được 15 kỳ, tổng số tiền gốc là 19.380.810 đồng, tiền lãi 27.699.618 đồng. Từ ngày 15/11/2020, ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, vi phạm nội dung hợp đồng hai bên đã giao kết tại mục 1.5 của hợp đồng. Phần nợ đã chuyển quá hạn từ ngày 11/9/2021.

Đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 23/7/2019, số tiền nợ gốc là 36.454.900 đồng, lãi suất vay theo mức lãi suất của V1 niêm yết từng thời kỳ, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 03 năm. Ông T1 vi phạm nghĩa vụ từ ngày 30/8/2019.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T1 không đến Tòa án tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu phản tố.

Theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự những tình tiết, sự kiện đã được "*một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận chuyên môn của bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*".

Do đó Ngân hàng thương mại cổ phần Q khởi kiện yêu cầu ông T1 yêu cầu trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1324635.19 ngày 07/8/2019 nợ gốc là 100.619.190 đồng và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản, số tiền nợ gốc là 36.454.900 đồng là có căn cứ theo quy định Điều 95 của

Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 và khoản 4 Điều 11, Điều 280 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi:

Ngân hàng thương mại cổ phần Q yêu cầu ông T1 phải thanh toán lãi còn lại cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 1324635.19 ngày 07/8/2019 đã giao kết, mức lãi cố định 19.5%/năm. Tạm tính đến ngày 14/5/2026 cụ thể:

Lãi trong hạn từ ngày 15/11/2020 đến ngày 15/10/2021: 100.619.190 x 19,5%/năm x 330 ngày là 17.954.323 đồng.

Lãi quá hạn từ ngày 15/10/2021 đến ngày 14/5/2026 theo mức lãi suất 150% lãi suất trong hạn: 100.619.190 đồng x 29,25%/năm x 1672 ngày là: 134.818.688 đồng.

Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 23/7/2019: lãi suất trong hạn là 15.660.022 đồng, và các loại phí phát sinh bao gồm: phí vượt hạn mức, phí chậm thanh toán và phí rút tiền mặt, phí thường niên là 43.231.924 đồng. Mức lãi suất và các khoản phí theo biểu lãi suất và phí thu được niêm yết công khai tại hệ thống Ngân hàng TMCP Q.

Xét thấy Ngân hàng và ông T1 đã thống nhất tự nguyện thỏa thuận mức lãi suất và các khoản phí phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã giao kết, ông T1 không có yêu cầu phản tố về mức lãi suất và phí phát sinh theo yêu cầu của Ngân hàng. Do đó Ngân hàng yêu cầu ông T1 phải thanh toán nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn và các loại phí phát sinh theo thỏa thuận đã giao kết là phù hợp theo quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 7, khoản 2 Điều 8 của Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Văn T1 phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số nợ tạm tính đến ngày 14/5/2026 cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 1324635.19 ngày 07/8/2019: nợ gốc là 100.619.190 đồng. Nợ lãi tạm tính đến ngày 14/5/2026 cụ thể, nợ lãi trong hạn là 17.954.323 đồng và lãi quá hạn là: 134.818.688 đồng. Tổng cộng là 253.392.201 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng sau ngày 14/5/2026 cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 23/7/2019: nợ gốc là 36.454.900 đồng, nợ lãi 15.660.022 đồng, phí thẻ là 43.231.924 đồng. Tổng cộng là 95.346.846 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng sau ngày 14/5/2026 cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Q được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã nộp là 7.970.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008653 ngày 13/11/2025 của thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Văn T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 348.739.047 đồng x 5% = 17.436.952 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ vào Điều 117, Điều 119, Điều 385 và khoản 4 Điều 11, Điều 280 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 7, Điều 8 của Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q đối với ông Nguyễn Văn T1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc ông Nguyễn Văn T1 phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền nợ tạm tính đến ngày 14/5/2026 cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 1324635.19 ngày 07/8/2019: nợ gốc là 100.619.190 đồng. Nợ lãi tạm tính đến ngày 14/5/2026 cụ thể, nợ lãi trong hạn là 17.954.323 đồng và lãi quá hạn là: 134.818.688 đồng. Tổng cộng là 253.392.201 đồng. (*Hai trăm năm mươi ba triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm lẽ một đồng*).

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 23/7/2019: nợ gốc là 36.454.900 đồng, nợ lãi 15.660.022 đồng, phí thẻ là 43.231.924 đồng. Tổng cộng là 95.346.846 đồng (*Chín mươi lăm triệu, ba trăm bốn mươi sáu nghìn, tám trăm bốn mươi sáu đồng*).

Tổng cộng ông Nguyễn Văn T1 phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền là 348.739.047 đồng (*Ba trăm, bốn mươi tám triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn, không trăm bốn ngươi bảy đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã giao kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

3. Về án phí:

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã nộp là 7.970.000 đồng (*Bảy triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008653 ngày 13/11/2025 của thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Văn T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 348.739.047 đồng x 5% = 17.436.952 đồng (*Mười bảy triệu, bốn trăm, ba mươi sáu nghìn, chín trăm năm mươi hai đồng)*

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, Ngân hàng thương mại cổ phần Q được tính kể từ ngày tuyên án, ông T1 được tính kể từ nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSNDKV5-AG;
- THADS KV5-AG;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thúy An